

Bản án số: 63 /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 06-9-2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh
2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Hồng T, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố *, phường T, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2019.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp T2, xã T3, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không có lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Võ Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Nguyễn Thanh T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện M, vào ngày 16/01/2007. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 01/12/2008, hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 vắng mặt vào các lần Tòa mời, cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh T1.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 16/7/2019, cháu Nguyễn Yến N trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh T1 đề ngày 01/8/2019, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột anh T1 xác định nội dung như sau:

Chị T và anh T1 sau khi đám cưới sống bên gia đình vợ. Anh chị sống được một thời gian thì về gia đình chồng sống, sống được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh T1 bỏ nhà đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị T cũng bỏ nhà đi làm ở Khu công nghiệp Giao Long. Trong thời gian chung sống, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, thỉnh thoảng có chơi cờ bạc, chị T khuyên thì anh T1 không nghe dẫn đến anh chị lời qua tiếng lại. Anh T1 và chị T không còn chung sống với nhau. Việc chị T và anh T1 mâu thuẫn chính quyền địa phương không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hồng T; Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Hồng T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 01/12/2008, anh Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Võ Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị T trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 01/8/2019, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột của anh T1 cũng xác định trong quá trình chung sống, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, thỉnh thoảng có chơi cờ bạc, chị T khuyên thì anh T1 không nghe dẫn đến anh chị lời qua tiếng lại. Anh T1 và chị T không còn chung sống với nhau, anh T1 bỏ nhà đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị T cũng bỏ nhà đi làm ở Khu công nghiệp Giao Long. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T1 đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Và chị T cương quyết được ly hôn với anh T1 vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 01/12/2008, hiện đang sống với chị T. Nay ly hôn chị xin nuôi con chung. Anh T1 vắng mặt vào các lần mời của Tòa nên không có lời trình bày. Xét thấy, cháu N hiện đang sống với chị T và hiện tại chị T đủ điều kiện để đảm bảo trực tiếp nuôi cháu N và tại biên bản lấy ý kiến cháu N có nguyện vọng được sống với chị T nên để Ngọc cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Theo chị T trình bày là vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của

Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:*

Chị Võ Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hồng T.

Chị Võ Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

2. *Về nuôi con chung:* Chị Võ Thị Hồng T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 01/12/2008, anh Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí:*

Chị Võ Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/***** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang